

## TÂY ĐÔ - THĂNG LONG: MỐI LIÊN HỆ LỊCH SỬ

TS Nguyễn Thị Thuý\*

Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, một nghìn năm hội tụ và toả sáng. Để có được Kinh đô nghìn năm, ngoài yếu tố nội tại của Thăng Long còn có phần đóng góp của Tứ trấn và các địa phương. Trong đó, việc xây thành (Tây Đô) và dời đô về An Tôn của Hồ Quý Ly không những phản ánh yêu cầu xã hội Đại Việt cuối thế kỷ XIV mà còn chứng tỏ mối liên hệ lịch sử giữa Tây Đô và Đông Đô.

Thành Tây Đô hiện sừng sững còn đây nhưng Kinh đô Thăng Long nghìn năm đã nhiều lần bị đổ nát, dựng đi dựng lại, cuối cùng bị phá huỷ hoàn toàn và bị vùi lấp dưới lòng đất. Phải chăng từ những gì còn lại của Tây Đô, từ góc nhìn lịch sử chúng ta có thể khám phá thêm những bí ẩn của một Hoàng thành Thăng Long xưa, góp thêm ý kiến về một Hà Nội phát triển bền vững trong tương lai.

### 1. Tây Đô trong bối cảnh Thăng Long thời Trần

Vùng đất Tây Đô hay An Tôn (huyện Vĩnh Lộc) ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa: giáp huyện Hà Trung về phía đông; huyện Cẩm Thủy về phía tây; huyện Yên Định về phía nam và huyện Thạch Thành về phía bắc.

Đây là vùng đất cổ từng có con người sinh sống qua các thời đại. Quá trình khai phá đất đai và lập làng diễn ra từ nhiều thế kỷ từ trước khi vùng đất này trở thành Tây Đô.

Nằm ở khu vực chuyển tiếp từ miền núi xuống đồng bằng, vùng đất Tây Đô có đủ các dạng địa hình, vừa có núi đá vôi, núi thấp, đồi, có sông suối lại xen kẽ cả đồng bằng. Từ xa xưa vùng đất này là nơi hội tụ của nhiều luồng cư dân và là nơi diễn ra quá trình giao thoa của những truyền thống văn hoá khác nhau.

Địa thế hiểm yếu của Tây Đô không những được tạo bởi hệ thống núi đá vôi bao quanh khu vực xây thành Tây Đô mà còn là nơi hợp lưu của sông Mã (phía tây) với sông Bưởi (phía đông) tại ngã ba cầu Công trở thành con hào tự nhiên hình vòng cung bao quanh vùng đất Tây Đô. Với hệ thống sông suối và núi đồi bao quanh nên Tây Đô vừa tận dụng được thế mạnh sông nước lại vừa có lợi thế hiểm trở của núi rừng.

---

\* Trường Đại học Hồng Đức.

Với đường thủy dọc theo sông Mã và đường bộ là con đường thượng đạo Bắc - Nam, mặc dù được coi là vùng đất có địa thế hiểm yếu, nhưng Tây Đô là nơi có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi.

Kể từ năm Canh Tuất (1010), khi Lý Công Uẩn dời đô đến khi Vương triều Trần thiết lập, Thăng Long trở thành Kinh đô Lý - Trần, trung tâm của văn minh Đại Việt. Đối với Tây Đô - cũng như các vùng đất thuộc châu thổ sông Mã cho đến sông Lam - vẫn là vùng đất phía nam mà lịch sử gọi là trại<sup>1</sup>.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: “Tháng 7 năm Canh Tuất (1010) vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về kinh đô lớn là Đại La của kinh phủ. Thuyền tạm đỗ ở dưới thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền ngự vì thế đổi gọi là thành Thăng Long” và đến cuối năm vua cho “xây dựng cung điện trong cung thành Thăng Long”<sup>2</sup>.

Cùng với việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, xứ Thanh thuộc châu Ái từ vị trí gần kề Kinh đô (Hoa Lư) trở thành vùng đất “trại” xa trung tâm đất nước. Tuy là vùng đất trại phương Nam, nhưng do vị trí tự nhiên và yếu tố con người thuộc lưu vực sông Mã, nên vùng đất Tây Đô đã được các vua Lý cũng như các vua Trần quan tâm đặc biệt. Điều này đã khẳng định Tây Đô là vùng đất có vị trí quan trọng về mặt quân sự cũng như xã hội.

Năm 1397, khi Hồ Quý Ly xây dựng Kinh đô mới (thành Tây Đô) đã biến xứ Thanh nói chung và vùng đất Tây Đô nói riêng từ đất trại phương Nam trở thành Kinh đô Đại Việt những năm cuối vương triều Trần và sau đó là Đại Ngu của vương triều Hồ.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Đình Sửu (Quang Thái) năm thứ mười (1397) (Minh Hồng Vũ năm thứ 30), mùa xuân, tháng giêng sai Lại bộ thượng thư kiêm thái sử Đỗ Tĩnh đi xem xét đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hoá, đắp thành đào hào, lập tông miếu, dựng nền xã tắc, dựng đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất”<sup>3</sup>.

Từ một vùng “cuối nước đầu non” khi trở thành trung tâm chính trị cả nước, trên vùng đất Tây Đô đã diễn ra nhiều biến đổi sâu sắc. Từ chỗ chỉ là một địa bàn giao thoa văn hoá liên vùng, Tây Đô trở thành nơi giao tiếp của nhiều nền văn hoá trong cả nước. Tuy nhiên, sự thất bại của nhà Hồ trước sự xâm lược của nhà Minh, Kinh đô ẩn ngủi của Vương triều Trần những năm cuối thế kỷ XIV và vương triều Hồ đầu thế kỷ XV đã nhanh chóng trở về cổ đô.

## 2. Từ Thăng Long đến Tây Đô

Nghiên cứu sâu và toàn diện Tây Đô cho thấy đây là vùng đất có vị trí quan trọng về mặt quân sự cũng như xã hội. Đối với Thăng Long (phía bắc), Tây Đô thuộc vùng đất trại phương Nam và đối với phía nam, Tây Đô (sông Mã) và sông Lam là vùng đất tiếp giáp Champa.

Trong lịch sử công cuộc bình Chiêm, mở rộng lãnh thổ về phía nam của các vua Lý, vua Trần cũng như vua Lê đều xem Tây Đô là đất phen dậu. Nằm ở vị trí giao thông trung chuyển Bắc - Nam, trong những lần hành quân từ Thăng Long chinh phạt Champa, Tây Đô (xứ Thanh) là hậu cứ quan trọng của Đại Việt.

Từ Tây Đô qua miền núi Thanh Hoá có thể ra Thăng Long. Đây là con đường tuần du phương Nam từ Kinh thành Thăng Long của các vị hoàng đế Đại Việt và là con đường duy nhất trong nhiều thế kỷ thời trung đại.

Từ Tây Đô theo đường bộ, đường sông đều rất thuận lợi đến các tỉnh phía nam, vương quốc Champa và Thăng Long. Xuôi dòng sông Mã, nối Tây Đô với Thăng Long bằng hai nhánh đường sông và đường biển. Một nhánh xuôi ra cửa Lạch Trường thông ra biển, một nhánh theo sông Lèn qua cửa Thần Phù (Nga Sơn) đến sông Vân Sàng, sông Đáy (Ninh Bình) ra Thăng Long. Đây là con đường thuỷ sớm được hình thành nối liền châu thổ sông Hồng và sông Mã. Bằng con đường này, các vị hoàng đế Đại Việt có thể vào phương Nam. Và cũng chính là đường giao thông duy nhất đưa xa giá vua Trần từ Thăng Long về kinh đô mới, nối liền từ cung Bảo Thanh đến Kinh thành Tây Đô.

Vị thế của Tây Đô còn được khẳng định trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, với chiến lược "lấy đoản binh chế trường trận", vua tôi nhà Trần đã rút lui chiến lược về xứ Thanh để bảo toàn lực lượng và tổ chức phản công thắng lợi năm 1285. Rõ ràng môi trường địa lý nhân văn thuận lợi, vị thế quân sự hiểm yếu của vùng đất Tây Đô ở lưu vực sông Mã đã góp phần không nhỏ giúp triều Trần giữ được Thăng Long và làm nên những kỳ tích trong sự nghiệp chống ngoại xâm, tham gia hun đúc nên hào khí Đông A. Nhưng cũng chính lợi thế đó của xứ Thanh nói chung và Tây Đô nói riêng lại là một trong những nhân tố để Hồ Quý Ly chọn làm nơi định đô mới.

Rõ ràng dời đô về Thanh Hoá là một quyết định có cân nhắc, tính toán của Hồ Quý Ly. Kinh nghiệm rút ra từ cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên diễn ra trước đó chưa lâu chắc chắn có tác động mạnh đến ông. Trong những cuộc kháng chiến này tuy cuối cùng nhà Trần đều giành được thắng lợi, nhưng cả ba lần triều đình đều phải rút lui khỏi kinh thành. Trong những lần rút lui chiến lược đó, xứ Thanh từng trở thành hậu cứ quan trọng. Cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, nguy cơ một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn từ phía nhà Minh lại xuất hiện. Trong bối cảnh Hồ Quý Ly đang tiến hành dở dang hàng loạt chính sách cải cách, những chính sách thủ cựu đang tìm cách chống đối, việc tổ chức kháng chiến theo cách nhà Trần đã làm hoàn toàn không đơn giản. Vì vậy, Hồ Quý Ly đã sớm tính tới khả năng chọn nơi có vị trí quân sự hiểm yếu để xây dựng kinh đô mới. Trong bối cảnh đó, Vĩnh Lộc xứ Thanh là sự lựa chọn số một.

Đối với xứ Thanh, Vĩnh Lộc là nơi có điều kiện tự nhiên hiểm yếu nhưng duy chỉ có vùng đất An Tôn là nơi hội tụ được những yếu tố thiên thời địa lợi và thoả mãn được những nhu cầu về việc kinh đô mới.

Trong tư duy của Hồ Quý Ly, Kinh đô Thăng Long lúc này bộc lộ nhiều điều bất lợi, vì thế việc tìm chọn một vùng đất mới phù hợp với những yêu cầu mới, sự nghiệp mới của ông và vương triều ông trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Dự định dời đô đến vùng đất An Tôn được Hồ Quý Ly đưa ra triều đình bàn bạc và đã từng có không ít các triều thần đưa ra những lời khuyên can. Hành khiển Phạm Cự Luận can ngăn "nên thôi". Cận thần Nguyễn Như Thuyết nói rằng: Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ (tức Thăng Long) có núi Tản Viên, có sông Lô, sông Nhị, núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà (...). Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: "Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm"<sup>4</sup>. Nhưng Hồ Quý Ly cương quyết trả lời: "Ý ta đã định từ trước rồi, người còn nói gì nữa"<sup>5</sup>. Điều đó cho thấy quyết tâm dời đô đến vùng đất "hợp với loạn" của Hồ Quý Ly.

Để dàng nhận ra Thăng Long là nơi có thể phát triển về mọi mặt nhưng trống trải, khó có thể bảo tồn được lực lượng lâu dài trong điều kiện phải đương đầu với các cuộc chiến tranh ác liệt, đại quy mô. Vì vậy, lựa chọn kinh đô mới đối với Hồ Quý Ly phải tính đến các khả năng: có vị thế quân sự hiểm yếu, tách biệt khỏi Thăng Long - nơi ảnh hưởng của quý tộc nhà Trần còn mạnh và phải xa nguy cơ xâm lược từ phương Bắc. Dựa vào sự tính toán kỹ càng về vị thế phòng thủ và yếu tố xã hội, Hồ Quý Ly đã hướng tầm suy nghĩ của mình vào vùng đất phương Nam, nơi mà ông đã có sự hiểu biết khá tường tận. Vùng đất đó chỉ có thể là xứ Thanh, quê hương ông.

Một người có tham vọng chính trị như Hồ Quý Ly không thể không nhận thức được rằng vùng đất Thăng Long là nơi có ảnh hưởng lớn của họ Trần. Chính sách cai trị thân dân và hào quang của "hào khí Đông A" với ba lần đại thắng quân Mông - Nguyên chưa thể phai mờ trong lòng dân Kinh kỳ. Kế hoạch giành ngôi báu, xây dựng vương triều và bảo vệ nền độc lập tự do của đất nước chắc chắn sẽ khó trọn vẹn nếu chỉ được triển khai và thực hiện ở Thăng Long. Đây chính là một trong những lý do khiến Hồ Quý Ly quyết định dời bỏ Thăng Long và nghĩ tới quê hương xứ Thanh.

Thanh Hoá là khu vực giáp ranh giữa hai vùng văn hoá Bắc và Trung Bộ, là nơi kinh tế diển trang và thế lực chính trị, kinh tế của các quý tộc Trần tương đối yếu<sup>6</sup>. Chọn vị trí này để xây dựng kinh đô mới, Hồ Quý Ly có thể tách dần và loại trừ sự chống đối của quý tộc nhà Trần và các thế lực ủng hộ nhà Trần còn tương đối mạnh ở châu thổ sông Hồng, yên tâm hơn trong khi thực hiện tham vọng của mình.

Thanh Hoá và Thăng Long cách nhau không quá xa, nhưng cũng đủ để vương triều mới cách ly với những thế lực ủng hộ vương triều cũ. Hơn thế, vùng đất này còn có vị thế đặc biệt và quan hệ mật thiết với Hồ Quý Ly. Đây là vùng đất không phải là quý hương của dòng họ Đông A nhà Trần nhưng là nơi mà Hồ Quý Ly coi là quê hương.<sup>7</sup> Từ xưa các bậc đế vương thường rất coi trọng, xem quê hương là đất căn bản, vùng hậu cứ vững chắc. Cho dù không phải là đất "quý hương", nhưng vùng đất Đại Lại (bên bờ sông Lèn) nói riêng và Thanh Hoá nói chung đã từng sinh dưỡng Hồ Quý Ly, nơi tụ hội dấy quân góp phần đưa Trần Nghệ Tông lên ngôi vua (1370) sau vụ biến Dương Nhật Lễ (1369), tạo thời cơ thuận lợi để ông thâm tóm quyền hành trong vương triều Trần.

Rõ ràng Hồ Quý Ly không chỉ nhận thức được thế nước cuối thế kỷ XIV mà còn thấy rõ được sức mạnh của đế chế Minh phương Bắc nên việc lựa chọn Thanh Hoá còn vì nơi đây cách xa Thăng Long, phù hợp với tư duy quân sự phòng thủ của ông.

Quan trọng hơn, Thanh Hoá còn là vùng địa linh - nhân kiệt, đất đai rộng lớn, thiên nhiên hiểm yếu, dân cư đông đúc. Hồ Quý Ly không mấy khó khăn để nhận thấy vị trí đặc biệt của vùng đất này. Khi chọn đất xây dựng kinh đô mới, Hồ Quý Ly đã thấy rõ ý đồ bành trướng về phía nam của nhà Minh đang đến gần. Chắc chắn Hồ Quý Ly đã liên tưởng đến vị thế của xứ Thanh trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285). Và trong thực tế lịch sử, cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh sau đó, Hồ Quý Ly cũng đã quyết định dời bỏ Thăng Long, nhanh chóng lui về tử thủ tại Thanh Hóa, nhưng tiếc rằng lịch sử đã không lặp lại.

Như vậy, để phục vụ cho kế hoạch giành ngôi vị và chuẩn bị trước cho một cuộc kháng chiến chống phương Bắc, trong tư duy của Hồ Quý Ly, Kinh đô Thăng Long không còn phù hợp, Thanh Hoá là vùng đất lý tưởng có đủ cả "địa lợi, nhân hoà" hợp với họ Hồ và tư duy phòng thủ quân sự của ông.

So với Thăng Long thì vùng đất An Tôn tuy không có cái thế của vùng đất "rồng bay" nhưng lại tránh được cái thế trống trải khó phòng thủ, mà vẫn có điều kiện phát triển và mở rộng kinh thành. Là người rất am hiểu về địa thế của vùng châu thổ sông Mã, Hồ Quý Ly đã nhận thấy An Tôn là vùng đất đắc địa, hoàn toàn có thể đáp ứng được tất cả các yêu cầu và tiêu chí xây dựng kinh đô của mình và cuối cùng ông đã quyết định chọn làm đất đóng đô. Địa thế An Tôn đáp ứng yêu cầu cần thiết của một kinh thành trong tình thế đất nước sắp lâm vào chiến tranh.

Nhưng thực tế lịch sử lại không diễn ra như vậy. Chọn được vị trí thủ hiểm, thành đá kiên cố và lực lượng quân sự mạnh, mặc dù đã giúp họ Hồ lấy được "ngai vàng" của nhà Trần, nhưng trước cuộc xâm lược của Bắc triều "lòng dân không thuận, toà đô thành kiên cố đâu có che chắn được gì cho vương triều Hồ trước sự tấn công xâm lược của nhà Minh?"<sup>8</sup>.

Từ việc xây thành, dời đô và kết quả cuối cùng chính là thành trì có giá trị quân sự cao nhất đã trở thành "cô đảo không người" đã để lại bài học thành trì của lòng dân. Nhìn từ hai phía thì việc không đánh thành mà đánh vào lòng người (như Nguyễn Trãi đã đề xuất) là bài học lịch sử cho đến nay, hiện vẫn còn nguyên giá trị nên cần phải biết cách tạo dựng bức tường thành vĩ đại trong lòng dân.

Nhìn vào kết cục lịch sử của họ Hồ và kinh đô ngấn ngủi chưa đầy 10 năm với sự trường tồn của Thăng Long - Hà Nội nghìn năm thì có thể xem quyết định dời bỏ Thăng Long là một sai lầm mà hậu quả của nó đã nằm ngoài những trù tính của Hồ Quý Ly.

Trong lịch sử xây dựng thành lũy Việt Nam đã để lại nhiều bài học thành công cũng như thất bại. Nếu như thành Hoa Lư kiên cố và hiểm trở được Lê Hoàn vận dụng chiến thuật chủ động tích cực, đánh bại quân xâm lược Tống, bảo toàn được nền độc lập và kinh thành; thì nhà Lý đã quyết định dời bỏ Hoa Lư ra Thăng Long và sau đó, trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống với cách đánh sáng tạo và trong cuộc chống xâm lược Mông - Nguyên, nhà Trần với cuộc "chiến tranh nhân dân" đã đánh bại mọi âm mưu xâm lược hùng mạnh phương Bắc, nhờ vậy mà "kinh thành còn, xã tắc còn". Họ Hồ đã không vận dụng được một điều giản đơn là "thành trì kiên cố không bằng sức mạnh lòng dân" nên bài học thất bại của họ Hồ "không ngoài một điều rất cơ bản: mất lòng dân"<sup>9</sup>.

Từ thực tế lịch sử cho thấy dời đô ra Thăng Long của Lý Công Uẩn là quyết định đúng đắn nhất và ngược lại, có thể một sai lầm lớn của Hồ Quý Ly là dời bỏ Thăng Long "chôn hội tụ bốn phương" về An Tôn đất "cuối nước đầu non". Bài học này có giá trị sâu sắc khi được vương triều Lê vận dụng một cách xuất sắc. Mặc dù đã có Lam Kinh - đất phát tích cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nhưng Lê Thái Tổ vẫn quyết định trở về Thăng Long và sau đó, mặc dù đã có Kinh đô Yên Trường và thành Tây Đô kiên cố đã từng giúp họ Nguyễn sau đó là họ Trịnh (Nam triều) đánh bại nhà Mạc (Bắc triều) nhưng sự nghiệp Lê Trung hưng vẫn trở về Thăng Long. Điều này đã khẳng định việc trở về Thăng Long của nhà Lê là một quyết định sáng suốt nên vương triều Hậu Lê đã tồn tại trong thời gian dài hơn 3 thế kỷ.

Như vậy, nếu xét Thăng Long và Tây Đô trong tương quan mỗi liên hệ quân sự cũng như xã hội, thì chắc chắn việc Hồ Quý Ly chọn vị trí An Tôn để xây thành, dời đô là hoàn toàn do yêu cầu thời cuộc, nằm trong kế sách củng cố chính quyền trung ương và chuẩn bị chống ngoại xâm. Khẳng định điều này, Đặng Xuân Bảng từng viết: "Kinh đô

Thăng Long tuy là nơi bằng phẳng, mà có núi dựa, có biển ngăn, thực là nơi hình thặng (...). Nhưng đất này là nơi đồng bằng nội rộng, không có cái hiểm trở, núi cao, sông to, nếu thế ở ngoài ngẫu nhiên không được vững thì kẻ địch thừa thắng tiến vào, không đầy năm sáu ngày đã đến được dưới thành, trong thành, lại không có viện binh, tiến không đánh được, lui không giữ được tất phải ngồi mà (...). Cho nên, lập đô dựng nước ngoài Thăng Long ra có lẽ không đâu hợp hơn Thanh Hóa”. Điều đó đã khẳng định Kinh thành Tây Đô “chỉ hợp với loạn mà không hợp với trị” và vị thế Thăng Long hoàn toàn phù hợp cho một kinh đô phát triển trong thời bình hơn là thời “loạn” và chiến thuật chiến tranh “đánh vu hồi” hơn là một vị trí cố thủ với chiến lược phòng thủ. Đúng như *Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ thì Thăng Long ở vào nơi "... trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi... là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước... là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời"<sup>10</sup>.

Như vậy, trước khi Kinh thành Tây Đô được tạo dựng, lưu vực sông Mã vẫn là đất trại phương Nam, nhưng với sự hình thành Kinh thành Tây Đô thời cuối Trần thì văn hoá sông Hồng đã được mở rộng về phía nam và cho đến khi vương triều Hồ thiết lập với Kinh đô Tây Đô, xứ Thanh nói chung và lưu vực sông Mã nói riêng trở thành khu vực mở rộng của trung tâm văn hoá Thăng Long. Trên một ý nghĩa nào đó thiết nghĩ rằng từ Hoa Lư ra Thăng Long là con đường thiên đô thì từ Thăng Long vào Tây Đô cũng là con đường thiên đô. Vì thế, trong hành trình du lịch văn hoá miền Bắc nên có con đường thiên đô từ Thăng Long vào Tây Đô.

### 3. Thành Tây Đô - Thăng Long: Kinh đô Đại Việt thời Trần

Nếu xét thành Thăng Long, cung Bảo Thanh và thành Tây Đô trong tiến trình dời đô những năm cuối thế kỷ XIV, thì rõ ràng dưới vương triều Trần đã tồn tại hai kinh đô; Tây Đô và Đông Đô.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, để chuẩn bị cho kế hoạch thiên đô, tháng giêng (năm 1397), Hồ Quý Ly sai Thượng thư bộ lại kiêm Thái sử Đỗ Tinh đi xem xét, đo đạc động An Tôn. Sau đó ngày 15/3/1398, xa giá vua Trần từ cung Bảo Thanh về thành An Tôn. Kể từ khi chính thức trở thành kinh đô của Đại Việt (1398 - 1400) để phân biệt với kinh đô cũ ở Thăng Long, kinh đô mới ở An Tôn được gọi là Tây Đô và cố đô Thăng Long lúc này được gọi là Đông Đô. Từ đây, Tây Đô chính thức trở thành trung tâm chính trị, quân sự của Đại Việt những năm cuối vương triều Trần.

Thành Tây Đô còn lại tương đối nguyên vẹn là bốn bức tường, các cổng thành bằng đá và đôi bệ cửa rồng đá cụt đầu. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép “mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua dời đô đến phủ Thanh Hóa... dỡ gạch ngói, gỗ lim ở các cung điện Thụy Chương, Đại An, giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở đến kinh đô mới”<sup>11</sup>.

Qua kết quả khai quật khảo cổ học cho thấy phần lớn gạch xây thành Tây Đô giống với loại gạch, ngói phát hiện tại Ly Cung và đàn Nam Giao mang phong cách cuối thời Trần (thế kỷ XIII - XIV). Điều này chứng tỏ, khi xây thành Tây Đô, gạch ngói được Hồ Quý Ly lấy từ các địa phương và cung điện ở Thăng Long. Tiếc rằng, Thăng Long cũng như Tây Đô, hoàng thành đã đổ nát và vùi lấp nên chúng ta khó có thể xác định được kiến trúc của công trình. Nhưng đối với Hồ Quý Ly, một người đã có mấy chục năm liên tục nắm giữ các vị trí trọng yếu trong vương triều Trần nên đến kinh đô mới ông khó có thể ra đi bằng “hai bàn tay trắng”. Vì thế, ngoài việc sử dụng vật liệu phải chăng là khi

thiết kế thi công, Tây Đô đã chịu ảnh hưởng kiến trúc Thăng Long và còn bao nhiêu hiện vật của Thăng Long đang nằm dưới đồng cỏ nát của Tây Đô?

Trong điều kiện Kinh thành Thăng Long khó có thể khai quật được thì việc khai quật toàn bộ thành nội Tây Đô, nhiều bí ẩn của Thăng Long sẽ được lý giải. Đây là cơ sở để chúng ta nhìn nhận lại vị thế và đóng góp của Tây Đô với Thăng Long.

Tuy nhiên, từ cấu trúc và hiện vật bệ cửa rồng đá ở Tây Đô, tiêu biểu cho nghệ thuật buổi giao thời Trần - Hồ và là sản phẩm của bối cảnh xã hội Đại Việt đương thời, nên chúng ta dễ dàng nhận thấy nghệ thuật điêu khắc lại có điều kiện phát triển với xu hướng tìm lại cội nguồn, tiếp tục phát huy những giá trị thẩm mỹ và mỹ thuật thời Lý được coi là một chuẩn mực.

Tìm hiểu kỹ kiến trúc và kỹ thuật xây thành có thể thấy Tây Đô vừa kết hợp với phong cách xây dựng thành truyền thống của người Việt và thành Thăng Long thời Lý - Trần, vừa có sự phát triển cao, rất khác với các công trình thành lũy trước đây. Tiếp thu kinh nghiệm truyền thống trong việc xây dựng thành lũy, căn cứ vào địa hình và cách nhìn của thuật phong thủy, Hồ Quý Ly đã xây dựng toà thành với trình độ kỹ thuật cao nhất và là toà thành vào loại đẹp nhất ở khu vực Đông Nam Á. Tính kế thừa truyền thống của Tây Đô thể hiện ở kiến trúc La thành. Vòng thành này cũng được đắp bằng đất có hình dáng uốn lượn theo địa hình tự nhiên, kết hợp với hệ thống sông, núi, giống như thành bao ở Thăng Long thời Lý - Trần, có sự kết hợp hài hoà giữa công năng sử dụng với địa hình tự nhiên, với hệ thống lũy đất bao bọc nương theo địa hình sông, hồ khiến cho vòng La thành không có hình dáng thường thấy ở các kiến trúc thành cổ.

Bốn cổng thành là hạng mục công trình thể hiện tài năng và trí sáng tạo của kỹ thuật xây dựng kiến trúc đá có quy mô lớn bằng phương pháp thủ công. Ngoài khu thành nội được thiết kế theo truyền thống: thành cao, hào sâu và phía ngoài là La thành lại được tạo dựng theo đồ án kết hợp thành lũy tự nhiên với các công trình liên kết tạo thành những vòng thành liên kết với nhau. Các nhà xây dựng cuối thế kỷ XIV đã lập nên kỳ tích trong việc vận chuyển vật liệu có trọng lượng lớn bằng phương tiện thô sơ, đã vượt qua những hạn chế của kỹ thuật đương thời gia công những khối đá lớn để có thể ghép vào nhau một cách hoàn hảo.

Công trình Tây Đô với cấu trúc thành nội hình khối rõ ràng, đường nét dứt khoát vừa tiếp thu tính truyền thống, vừa mang nét "đặc sắc" của Kinh thành Thăng Long thời Trần vừa mang phong cách riêng của nghệ thuật kiến trúc cuối thế kỷ XIV.

Tây Đô là toà thành đá kiên cố nhất với kiến trúc độc đáo, được xây dựng trong thời gian nhanh nhất và cũng là toà thành còn để lại nhiều ẩn số<sup>12</sup>. Tây Đô còn được đánh giá là kiệt tác do con người sáng tạo, là một công trình kiến trúc có giá trị nhiều mặt, đó là kết tinh sức sáng tạo của nhân dân cả nước. Từ tầm vóc của Thăng Long cũng như Tây Đô - Kinh đô Đại Việt thời Trần, có thể khẳng định Tây Đô là một hợp phần của Thăng Long, văn hoá Lý - Trần và văn minh Đại Việt. Cùng với những phát lộ của Hoàng thành Thăng Long và những ẩn số của Tây Đô được lý giải, chắc chắn sẽ là tư liệu có giá trị góp phần vào kho tàng văn hoá dân tộc và nhận thức đầy đủ hơn về một Thủ đô Hà Nội một nghìn năm tuổi.

## Kết luận

Như vậy, Tây Đô là sự kế thừa của Kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần. Từ Tây Đô và Thăng Long không chỉ thấy được mối liên hệ quân sự, xã hội giữa hai vùng đất (đất trại phương Nam) và kinh đô (Thăng Long), giữa vị thế một Kinh đô “muôn đời” (Thăng Long) và kinh đô do yêu cầu thời cuộc (Tây Đô), mà quan trọng hơn là quan hệ giữa hai kiệt tác văn hoá dưới vương triều Trần; Tây Đô - Đông Đô.

Xưa nay, khi nói đến thành tựu văn minh Đại Việt người ta ít nói đến Tây Đô mặc dù nó là thành quả của văn hoá Lý - Trần nên đã đến lúc chúng ta cần phải nhận thức đầy đủ hơn về Tây Đô. Vì nếu cùng với Thăng Long, Tây Đô trở thành di sản văn hoá thế giới thì Tây Đô cũng là một hợp phần văn hoá Thăng Long và thành tựu văn minh Đại Việt. Từ mối liên hệ lịch sử này chúng ta mới thấy được tầm vóc của Thăng Long hội tụ và toả sáng. Và cũng từ cố đô - Tây Đô, hơn 6 thế kỷ trôi qua với thành đá còn lại cùng bài học thất bại của một kinh đô chưa đầy 10 năm phải chăng là những tư liệu góp phần khôi phục lại Hoàng thành Thăng Long xưa?

---

## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Năm 1054, Lý Thái Tổ đổi 10 đạo thành 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm “trai”.
- <sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.241.
- <sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.190.
- <sup>4</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sđd, tr.191.
- <sup>5</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sđd, tr.191.
- <sup>6</sup> Trương Hữu Quýnh, “Nhìn lại vấn đề Hồ Quý Ly trong lịch sử”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5 (264), 1992, tr.23.
- <sup>7</sup> Hồ Quý Ly thuộc dòng dõi Trạng nguyên Hồ Hưng Dật, người tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc). Vào đời Hậu Hán, Hồ Hưng Dật sang làm thái thú Diễn Châu (Nghệ An). Đến đời thứ 12 là Hồ Liêm dời đến xã Ngộ Xá hương Đại Lại (trước thuộc huyện Vĩnh Lộc, nay là huyện Hà Trung, Thanh Hoá). Quý Ly làm con nuôi Tuyên uý Lê Huân, nên đổi thành họ Lê. Sau khi giành được ngôi vua (1400), đổi thành họ Hồ.
- <sup>8</sup> Đỗ Văn Ninh, *Thành cổ Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983, tr.169.
- <sup>9</sup> Đỗ Văn Ninh, *Thành cổ Việt Nam*, sđd, tr.169.
- <sup>10</sup> Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr.230.
- <sup>11</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sđd, tr.191.
- <sup>12</sup> Nguyễn Thị Thuý, “Thành Tây Đô: Những ẩn số cần giải mã”, tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10 (91), 2007, tr.68-71.